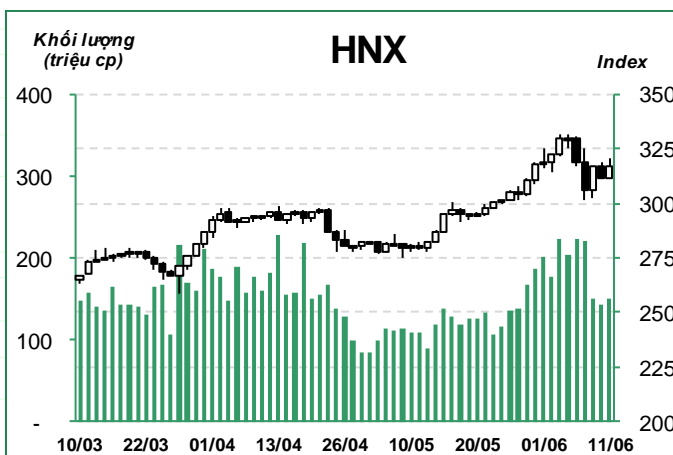
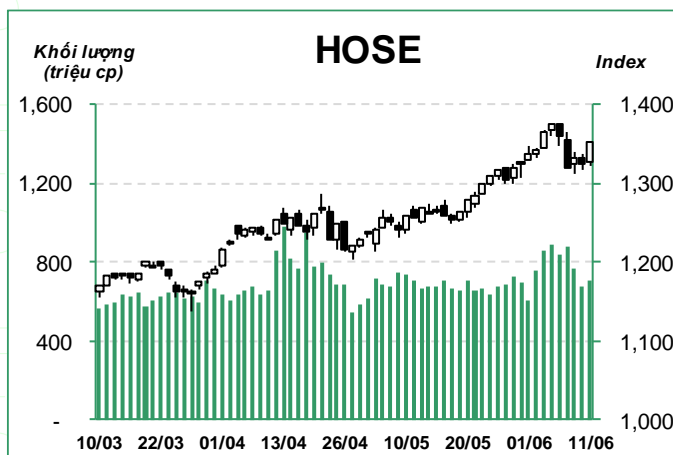


Tổng quan thị trường

11/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,351.74	2.13%	1,487.61	2.51%	316.69	1.73%
Cuối tuần trước	1,374.05	-1.62%	1,508.35	-1.38%	329.76	-3.96%
Trung bình 20 ngày	1,325.96	1.94%	1,453.94	2.32%	311.93	1.53%
Tổng KLGD (triệu cp)	731.26	1.07%	269.87	4.46%	166.44	11.57%
KLGD khớp lệnh	705.03	4.57%	264.96	4.54%	149.96	5.30%
Trung bình 20 ngày	730.52	-3.49%	276.47	-4.16%	164.90	-9.06%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	23,765.79	-6.26%	13,836.00	-3.42%	3,720.83	3.08%
GTGD khớp lệnh	22,583.37	-3.06%	13,459.27	-3.84%	3,519.21	1.92%
Trung bình 20 ngày	23,582.57	-4.24%	13,836.32	-2.73%	3,843.78	-8.44%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	293	66%	26	87%	147	40%
Số mã giảm	104	23%	4	13%	62	17%
Số mã đứng giá	46	10%	0	0%	160	43%



Thị trường chốt phiên ngày thứ 6 với sắc xanh lan tỏa của hầu hết các nhóm ngành. Tâm lý hưng khởi của các nhà đầu tư nội quay trở lại cùng với sự đồng thuận từ dòng tiền ngoại khi mua ròng trên cả 2 sàn giúp các chỉ số nới rộng đà tăng. Tuy nhiên, tín hiệu tăng điểm trong phiên hôm nay vẫn chưa hoàn toàn tích cực khi thanh khoản chỉ ở mức trung bình.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa tăng lên mức 1,351.74 điểm (+2.13%). Tuy nhiên, thanh khoản chưa có dấu hiệu tăng trở lại với KLGD khớp lệnh đạt 705.0 triệu cổ phiếu (+4.6%), tương đương 22,583 tỷ đồng giá trị (-3.1%). Độ rộng thị trường ghi nhận sự áp đảo của bên mua với 293 mã tăng/104 mã giảm.

Ngoại trừ VPBank-VPB (-0.1%) điều chỉnh nhẹ, các cổ phiếu còn lại trong nhóm ngân hàng đều khởi sắc đóng góp chính cho đà tăng của VN-Index. Trong đó, đáng chú ý là Vietinbank-CTG (+6.9%) được kéo trần ngay từ phiên sáng sau khi có thông tin được Ngân hàng nhà nước chấp thuận chi trả cổ tức. Theo sau đó, nhiều cổ phiếu Bluechips khác cũng đồng thuận tăng điểm có thể kể đến như nhóm BĐS như Vinhomes-VHM (+1.8%), Vingroup-VIC (+1.3%), nhóm thép với Hòa Phát-HPG (+2.9%) và nhóm chứng khoán với Chứng khoán SSI-SSI (+6.6%). Ngoài ra, lực cầu cũng lan tỏa rộng đến nhiều cổ phiếu mid cap và penny. Ở chiều ngược lại, Vinamilk-VNM (-0.2%), Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa-SBT (-1.8%), VPBank-VPB (-0.1%) là những trụ cột ít ỏi bị đóng cửa trong sắc đỏ hôm nay.

Khối ngoại mua ròng phiên thứ 2 liên tiếp với đạt giá trị 612.8 tỷ đồng (+144.0%). Với lực mua tập trung ở các cổ phiếu như Petrolimex-PLX (+139.6 tỷ), Vinhomes-VHM (+96.4 tỷ), Nhà Khang Điền-KDH (+72.0 tỷ). Trong khi đó, dẫn đầu trong số các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất lần lượt là Đất Xanh-DXG

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
NVL	2,275.0	230.00
AGG	1,481.0	71.00
KDC	1,180.0	69.62
E1VFN30	2,000.0	49.29
TCB	820.0	43.95
SAM	4,050.0	40.70
CII	2,070.0	38.82
TV2	681.0	35.14
SAB	203.8	33.26
FUEVFVND	1,250.0	30.89
HNX		
TVB	3,448.0	57.93
BII	6,000.0	45.60
PAN	820.0	21.73
BAB	850.0	21.25
HUT	3,000.1	19.20
VC3	523.0	10.41
VMC	750.0	7.50
TET	280.7	7.49
SHN	487.8	4.00
GKM	200.0	3.04

(-134.0 tỷ), Hòa Phát-HPG (-75.9 tỷ), Thiết bị điện Việt Nam-GEX (-44.1 tỷ).

Trên sàn HNX, HNX-Index cũng tăng trở lại và phủ nhận phiên giảm trước đó khi đóng cửa tại mức 316.69 điểm (+1.73%). KLGĐ khớp lệnh đạt 150.0 triệu cổ phiếu (+5.3%), tương đương 3,519.2 tỷ đồng giá trị (+1.9%).

Các cổ phiếu trụ trên sàn HNX hầu hết cũng ghi nhận mức tăng tốt. Trong đó, dẫn đầu đà tăng của chỉ số Vicostone-VCS (+6.4%), Thaiholdings-THD (+1.0%), Dầu khí PTSC-PVS (+4.8%) và Bảo hiểm PVI-PVI (+6.9%). Ở chiều ngược lại, sức ép giảm điểm không đáng kể và chỉ đến từ một vài cổ phiếu vốn hóa nhỏ hơn với khối lượng giao dịch ít ỏi như Vận tải ngoại thương-VNT (-9.9%), Bánh kẹo BIBICA-BBC (-7.2%), Công nghiệp mỏ Việt Bắc-MVB (-2.7%).

Khối ngoại cũng có phiên mua ròng trở lại trên sàn HNX, đạt giá trị 8.8 tỷ đồng. Trong đó, những cổ phiếu được mua ròng chủ yếu là Chứng khoán VNDIRECT-VND (+8.8 tỷ), Vicostone-VCS (+5.6 tỷ), Bảo hiểm PVI-PVI (+4.5 tỷ). Trái lại, khối này bán ròng chủ yếu là Thaiholdings-THD (-4.9 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-2.1 tỷ) và Cảng Đà Nẵng-CDN (-1.9 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch tuy vẫn dưới mức bình quân 10 và 20 phiên nhưng có sự cải thiện so với phiên trước hàm ý dòng tiền tham gia trở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số vẫn đang trong xu hướng tăng, khi chỉ số thoát khỏi áp lực từ MA5 và duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với ADX nằm trên vùng 26 và đường +DI nói rộng khoản cách lên phía trên so với -DI cho tín hiệu củng cố xu hướng tăng điểm hiện tại và nhịp điều chỉnh rũ bỏ vừa qua có thể đã kết thúc. Chỉ số có thể sớm hướng lên thử thách lại vùng đỉnh cũ quanh 1,375 điểm hoặc xa hơn là vùng kháng cự tâm lý 1,400 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại từ vùng hỗ trợ xu hướng MA20 và cho tín hiệu vượt qua MA5, cho thấy đà phục hồi đang tăng lên, chỉ số có thể duy trì xu hướng tăng điểm và hướng lên thử thách ngưỡng đỉnh cũ quanh 330 điểm. Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng tăng và áp lực từ đợt điều chỉnh rũ bỏ đã suy yếu. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục hướng tới các cổ phiếu có cơ bản tốt và thu hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HVH	10.7	2,531.8	7.0%
DXG	25.3	21,168.2	7.0%
MIG	20.7	2,225.7	7.0%
HTL	17.7	3.9	7.0%
TN1	58.4	20.8	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VMD	33.5	30.4	-6.9%
SFC	24.3	2.1	-6.6%
UDC	6.1	53.6	-6.2%
SHP	19.6	33.1	-5.8%
DBT	16.9	130.6	-5.1%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	71.7	2,156.6	-0.1%
TCB	52.6	1,587.4	5.0%
HPG	53.1	1,534.2	2.9%
SSI	50.1	1,103.2	6.6%
STB	30.5	1,092.0	5.5%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HQC	4.1	36,511.9	4.9%
STB	30.5	36,442.2	5.5%
TCB	52.6	30,420.8	5.0%
VPB	71.7	30,316.0	-0.1%
HPG	53.1	29,154.1	2.9%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HUT	7.8	18,450.0	9.9%
VDL	23.6	10.2	9.8%
AMC	21.7	1.7	9.6%
MHL	5.9	9.0	9.3%
HBE	7.1	1.2	9.2%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VNT	63.0	0.3	-9.9%
L61	9.2	5.2	-9.8%
SGD	10.0	0.5	-9.1%
PPE	13.0	3.0	-9.1%
ADC	22.1	0.2	-9.1%

Top 5 giá trị

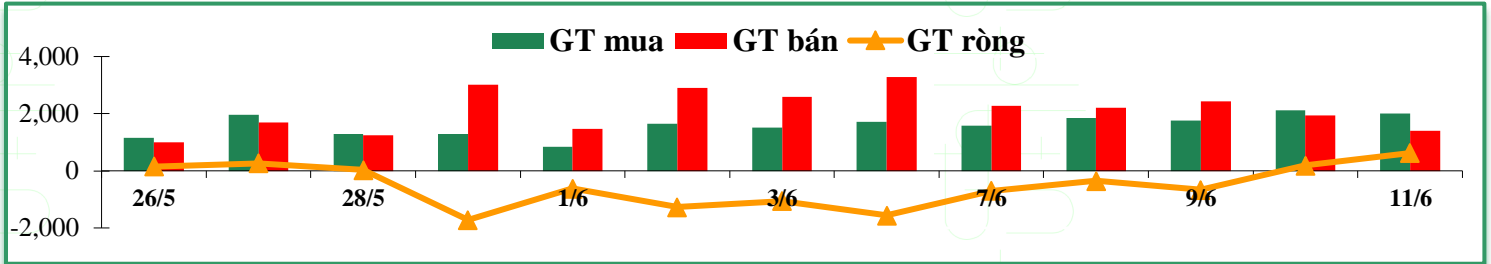
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	29.8	723.5	1.0%
PVS	28.2	453.6	4.8%
VND	39.8	418.8	5.6%
SHS	38.4	413.9	4.3%
THD	194.9	166.1	1.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.8	23,637.8	1.0%
HUT	7.8	18,450.0	9.9%
PVS	28.2	16,328.3	4.8%
SHS	38.4	10,870.9	4.3%
VND	39.8	10,810.8	5.6%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,929.1	8.1%	1,316.3	5.5%	612.8
HNX	82.0	2.2%	73.3	2.0%	8.8
Tổng số	2,011.2		1,389.6		621.6



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	53.1	179.4	2.9%
PLX	54.0	177.2	2.9%
MBB	39.4	123.6	4.0%
VHM	106.0	99.4	1.8%
STB	30.5	84.0	5.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	53.1	255.3	2.9%
DXG	25.3	146.6	7.0%
MBB	39.4	92.1	4.0%
VIC	118.0	69.4	1.3%
NVL	104.9	61.8	1.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	54.0	139.6	2.9%
VHM	106.0	96.4	1.8%
KDH	36.8	72.0	4.1%
STB	30.5	67.8	5.5%
PDR	87.4	47.8	5.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	39.8	61.5	5.6%
VCS	107.3	7.9	6.4%
PVI	41.8	4.7	6.9%
PAN	26.9	1.2	0.7%
SHB	29.8	1.2	1.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	39.8	52.6	5.6%
THD	194.9	4.9	1.0%
VCS	107.3	2.3	6.4%
PVS	28.2	2.2	4.8%
CDN	29.4	2.0	8.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	39.8	8.8	5.6%
VCS	107.3	5.6	6.4%
PVI	41.8	4.5	6.9%
SHB	29.8	1.1	1.0%
SHS	38.4	0.8	4.3%

Tin trong nước

Hàng tỷ USD đổ vào công nghiệp chế biến, chế tạo: Khởi đầu làn sóng đầu tư mới

Trong 5 tháng đầu năm 2021, vốn FDI đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần đổ vào Việt Nam đạt gần 14 tỷ USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2020. Vốn FDI thực hiện ước đạt 7,1 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Cả nước có 613 dự án FDI mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trải rộng suốt 18 ngành, lĩnh vực. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt 6,1 tỷ USD, chiếm hơn 43% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Không chỉ tăng về tổng vốn, nhiều dự án trị giá tỷ USD đã được cấp phép từ đầu năm tới nay. Tiêu biểu, tháng 3/2021, tỉnh Long An trao quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Nhà máy điện LNG Long An I&II với tổng mức đầu tư 3,1 tỷ USD.

Dòng vốn FDI vào lĩnh vực chế biến chế tạo, sản xuất và phân phối điện sẽ góp phần tạo động lực cho nền kinh tế trong tương lai.

Thu ngân sách 5 tháng đạt gần 50% dự toán

Báo cáo từ Bộ Tài chính cho thấy tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 5 ước đạt 98.600 tỷ đồng. Tính chung 5 tháng, thu ngân sách nhà nước ước đạt 667.900 tỷ đồng, bằng gần 50% dự toán, tăng hơn 15% so cùng kỳ năm ngoái.

Báo cáo của Bộ Tài chính cũng cho thấy thu cân đối ngân sách 5 tháng từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 98.500 tỷ đồng, bằng hơn 55% dự toán, tăng hơn 30% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về công tác quản lý nợ và tài chính đối ngoại, từ đầu năm đến nay, Chính phủ đã ký kết 1 hiệp định với Ngân hàng Thế giới trị giá 84,4 triệu USD vào ngày 16/3.

Giá xăng tăng hơn 600 đồng/lít

Liên Bộ Công Thương - Tài chính vừa quyết định điều chỉnh tăng giá xăng dầu trong nước. Theo đó, xăng E5 RON92 tăng 662 đồng/lít lên tối đa 19.048 đồng/lít. Xăng RON95 tăng 633 đồng/lít lên tối đa 20.164 đồng/lít. Dầu diesel 0,05S tăng 674 đồng/lít lên tối đa 15.448 đồng/lít. Dầu hỏa tăng 587 đồng/lít lên tối đa 14.412 đồng/lít. Dầu mazut 180CST 3.5S tăng 675 đồng/lít, không cao hơn 14.954 đồng/lít.

Mức giá mới áp dụng từ 15h hôm nay (11/6).

Nguồn: Cafef. NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Sacombank muốn bán gần 81,6 triệu cổ phiếu quỹ

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về việc bán cổ phiếu quỹ của Sacombank (HoSE: STB). Theo văn bản, HĐQT ngân hàng đã thông qua phương án bán gần 81,6 triệu cổ phiếu quỹ thực hiện theo Đề án tái cơ cấu Sacombank sau sáp nhập đã được NHNN phê duyệt.

Đến cuối tháng 3, lượng cổ phiếu quỹ Sacombank ghi giá trị gần 751 tỷ đồng. Tính theo thị giá, 81,6 triệu cổ phiếu quỹ của Sacombank có giá trị khoảng 2.358 tỷ đồng.

Quý I, ngân hàng lãi trước thuế 1.000 tỷ đồng, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước và tương đương 25% kế hoạch năm.

Tại 31/3, tổng tài sản ở mức 497.428 tỷ đồng, tăng 1% so với cuối năm trước. Cho vay khách hàng tăng gần 5% lên 356.975 tỷ đồng. Dù vậy, nợ xấu giảm 8,4% xuống 5.292 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu hạ từ 1,7% còn 1,48%.

Cao su Đồng Phú trình chia cổ tức 2020 tỷ lệ 40%, thưởng cổ phiếu tỷ lệ 100%

Theo tài liệu họp ĐHCĐ thường niên, HĐQT Cao su Đồng Phú (HoSE: DPR) dự kiến trình phương án chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 40% mệnh giá, tương đương tổng giá trị thanh toán 161 tỷ đồng. Doanh nghiệp đã tạm ứng 25%, phần còn lại sẽ chia trong năm nay.

Tại thời điểm cuối năm, doanh nghiệp có 154 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, 1.120 tỷ đồng quỹ đầu tư phát triển và 147 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần, trong khi vốn góp chủ sở hữu 430 tỷ đồng.

Do vậy, HĐQT trình cổ đông phương án tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển. Doanh nghiệp sẽ phát hành khoảng 43,4 triệu cổ phiếu, để tăng vốn lên 868 tỷ đồng.

Về hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu năm 2021 đạt 1.076 tỷ đồng, tăng 30%; lãi trước thuế 420 tỷ đồng, gấp 2 lần năm trước, cổ tức tối thiểu 30%.

Trong trường hợp sáp nhập xong Cao su Đồng Phú Đắk Nông, doanh thu năm 2021 dự kiến 1.135 tỷ đồng, lãi trước thuế 424 tỷ đồng và lãi sau thuế 339 tỷ đồng.

Doanh số xuất khẩu tháng 5 của Vĩnh Hoàn giảm, thị trường Mỹ hồi phục mạnh

Vĩnh Hoàn (HoSE: VHC) thông báo doanh số xuất khẩu tháng 5 đạt 743 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước. Về thị trường, Mỹ tiếp tục ghi nhận phục hồi mạnh 188% đạt 314 tỷ đồng nhờ dịch bệnh được kiểm soát.

So với tháng 4, doanh nghiệp cá tra ghi nhận doanh số giảm nhẹ 7% từ 799 tỷ đồng xuống 743 tỷ đồng. Trong đó, thị trường Mỹ duy trì tăng 9% trong khi các thị trường khác giảm từ 5% đến 24%.

Lũy kế 5 tháng, doanh số xuất khẩu của Vĩnh Hoàn đạt 3.910 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PLC	Mua	14/06/21	26.4	26.4	0.0%	30.6	15.9%	24.7	-6.4%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi
2	VSC	Nắm giữ	28/04/21	56.8	49.9	13.8%	60	20.2%	47	-5.8%	Đà tăng vẫn duy trì tốt

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HBC	Quan sát mua	14/06/21	15.35	18 19.5	Nền bật tăng tốt kèm vol cao trở lại sau các phiên điều chỉnh yếu trước đó -> khả năng retest đáy thành công và quay lại nhịp tăng
2	BSR	Quan sát mua	14/06/21	19.3	22-23	Nhịp điều chỉnh về retest đỉnh cũ quanh 18 tích cực với nền, vol giảm dần -> khả năng giữ được vùng này và trở lại xu hướng tăng
3	LTG	Quan sát mua	14/06/21	39.3	44 49	Nền tăng mạnh break trendline kèm vol cao -> khả năng tiếp tục tăng vượt đỉnh, có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 38.5-38.8

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	56.8	49.9	13.8%	60	20.2%	47	-6%	Nâng giá mục tiêu lên 60 ngàn
2	SSI	Nắm giữ	13/05/21	50.1	34.8	44.0%	52.2	50.0%	33.5	-4%	
3	PVS	Nắm giữ	19/05/21	28.2	21.8	29.4%	31.3	44%	20.5	-6%	
4	BVH	Mua	04/06/21	57.3	54.9	4.4%	63	15%	53	-3%	
5	PAN	Mua	07/06/21	26.9	27	-0.4%	31	15%	25.4	-6%	
6	VRE	Mua	10/06/21	31.5	31.7	-0.6%	36	14%	30	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 11/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,270	2.5%	259%	33,230	11	83,500	7,798	(1,472)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,450	2.3%	197%	8,690	24	83,500	1,751	(2,699)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,610	-1.1%	261%	3,930	103	34,450	967	(2,643)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	45,000	0.2%	689%	2,470	19	53,100	38,756	(6,244)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,800	2.3%	738%	3,150	103	53,100	2,305	(6,495)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	31,100	5.1%	371%	2,290	24	53,100	17,368	(13,732)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,990	1.6%	284%	15,090	25	53,100	7,441	(7,549)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	9,200	2.1%	513%	8,420	24	53,100	3,801	(5,399)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	17,000	4.2%	467%	43,380	59	53,100	7,497	(9,503)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	14,010	1.2%	242%	11,210	77	53,100	2,354	(11,656)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,040	3.3%	365%	5,600	62	53,100	10	(6,030)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,950	3.7%	396%	9,720	62	53,100	9	(5,941)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	4,000	3.9%	150%	14,920	66	36,800	2,659	(1,341)	KIS	KDH	27,333	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,890	-3.3%	189%	4,880	103	36,800	852	(2,038)	KIS	KDH	33,333	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,850	4.1%	109%	11,500	63	36,800	3,231	(2,619)	MBS	KDH	31,100	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	7,270	3.0%	354%	23,680	25	39,400	6,719	(551)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,500	3.6%	192%	8,130	62	39,400	506	(2,994)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,960	10.0%	182%	3,180	103	106,000	416	(2,544)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,690	5.1%	169%	4,270	103	106,000	129	(2,561)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,190	1.5%	106%	3,570	63	106,000	3,055	(3,135)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	23,910	1.9%	99%	1,320	19	137,000	20,554	(3,356)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,620	0.8%	9%	6,150	25	137,000	2,017	(603)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,170	1.2%	106%	2,450	52	137,000	3,474	(2,696)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,800	1.1%	-5%	8,100	24	137,000	868	(932)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2104	2,400	8,510	-0.5%	255%	2,630	(81)	137,000	(300)	(8,810)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,520	-0.7%	53%	4,500	77	137,000	913	(3,607)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,230	-1.1%	423%	2,770	103	104,900	2,340	(2,890)	KIS	NVL	77,999	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,260	0.0%	196%	16,150	108	104,900	2	(3,258)	KIS	NVL	128,399	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,370	9.8%	297%	25,440	77	87,400	448	(3,922)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,910	8.9%	346%	18,510	108	87,400	674	(4,236)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,460	10.3%	45%	11,390	25	96,900	1,921	(539)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,100	0.2%	155%	4,380	52	96,900	3,429	(1,671)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,100	6.2%	41%	7,930	7	96,900	3,626	(474)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,210	2.3%	-4%	30,680	25	54,900	1,743	(467)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,580	-1.2%	135%	8,880	103	21,300	28	(2,552)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,900	2.1%	590%	6,870	103	30,500	4,318	(2,582)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	8,000	3.2%	471%	21,530	59	30,500	6,281	(1,719)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	11,200	7.9%	180%	6,720	77	30,500	7,704	(3,496)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	30,800	7.7%	470%	15,230	49	52,600	30,663	(137)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,500	2.9%	390%	12,250	116	52,600	21,811	(2,689)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,660	6.9%	277%	26,010	25	52,600	8,326	(334)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	10,000	8.7%	245%	55,070	59	52,600	8,611	(1,389)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,500	7.0%	275%	9,070	77	52,600	3,522	(3,978)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,180	-0.9%	36%	3,660	66	21,900	29	(2,151)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,800	-1.4%	180%	5,130	103	21,900	68	(2,732)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,000	-3.2%	9%	5,570	63	21,900	14	(2,986)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,760	0.0%	47%	6,020	62	21,900	0	(1,760)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	3,530	0.0%	221%	1,170	103	106,000	232	(3,298)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,740	-3.5%	44%	19,790	25	106,000	1,913	(827)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,190	2.2%	99%	13,600	59	106,000	847	(2,343)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,660	-0.5%	144%	4,740	63	106,000	385	(3,275)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,230	0.0%	148%	40,300	62	106,000	5	(3,225)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	3,300	3.1%	230%	5,040	103	118,000	68	(3,232)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,600	-3.0%	136%	3,920	108	118,000	0	(2,600)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	2,400	3.9%	118%	470	103	92,000	0	(2,400)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	680	-9.3%	-60%	17,340	25	92,000	(0)	(680)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2103	1,700	160	-33.3%	-91%	22,350	7	92,000	(0)	(160)	MBS	VNM	104,000	9.9	18/06/2021
CVNM2104	1,480	3,030	-3.2%	105%	6,330	94	92,000	18	(3,012)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,940	0.5%	76%	30,240	108	92,000	0	(1,940)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	45,400	-1.3%	711%	2,740	49	71,700	45,775	375	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2101	2,900	17,000	0.6%	486%	22,640	25	71,700	17,377	377	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	17,500	-0.9%	548%	11,480	59	71,700	17,663	163	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,720	9.0%	249%	5,900	77	71,700	7,640	(1,080)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	6,410	0.0%	28%	10,250	49	31,500	4,080	(2,330)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,490	1.6%	108%	3,030	103	31,500	90	(2,400)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,290	-7.9%	-28%	50,620	25	31,500	387	(903)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,350	-0.8%	81%	7,540	59	31,500	138	(2,212)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,300	10.0%	10%	6,010	63	31,500	44	(3,256)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
GMD	(New)	HOSE	41,300	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	16,100	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
KDH	(New)	HOSE	36,800	42,300	31/05/2021	1,147	2,157	17,973	14%	8%	19.6	2.4	-
NLG	(New)	HOSE	39,050	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	(New)	HOSE	31,500	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	106,000	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	54,200	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	29,150	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	37,700	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	34,400	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	54,900	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	29,250	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	44,200	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	36,700	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	40,900	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	76,000	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	94,100	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	26,200	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	125,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	96,900	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	137,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

SAB		HOSE	164,100	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	106,000	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	92,000	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	84,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	38,400	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	104,900	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,700	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	102,800	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	34,650	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	52,600	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,350	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	57,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	62,800	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	83,500	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,900	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	37,100	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	72,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	54,000	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,300	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	39,400	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	87,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	57,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	24,000	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	60,700	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	19,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	19,150	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	38,650	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	93,300	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,050	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.